

Bài kiểm tra Lesson 3

Bài 1: Sử dụng những từ trong khung để điền vào chỗ trống







Ride	Play	Fly
------	------	-----

Alex and Ruby are brother and sister.

1. Alex can _____ a bike	6. Ruby can _____ a kite
2. He can _____ football	7. She can _____ tennis
3. But he can't _____ a horse	8. She can _____ a motorbike
4. He can't _____ a motorbike	9. But she can't _____ a bike
5. He can't _____ tennis	10. She can't _____ football

(còn tiếp)

Bài 2: Nhìn vào bảng dưới đây và hoàn thiện những câu sau:

						
Alex	Y	X	X	X	Y	Y
Ruby	X	X	Y	Y	Y	X

1. Alex can ride a bike, but Ruby _____.

2. Alex and Ruby _____ skate.

3. What can't Alex do?

4. What can Ruby do?

5. Can Alex play football?

6. Alex _____ play tennis, but he _____ skateboard.

7. _____?

Yes, Ruby can play football.

8. Can Alex ride a horse?

Bài 3: Nhìn vào bức tranh dưới đây và trả lời các câu hỏi:



1. Where is the purple lamp? -> _____	6. Is the clock on the wall? -> _____
2. Where are the boots? -> _____	7. Where is the laptop? -> _____
3. Where is the red book? -> _____	8. Where is the smartphone? -> _____

Bài 4: Điền a hoặc an vào chỗ trống sau:

1. This is _____ orange	2. I have got _____ bike
3. He has got _____ skateboard	4. This is _____ umbrella
5. It's _____ apple	6. She has got _____ egg
7. I have got _____ teddy	8. My sister has got _____ ice cream

(Gợi ý: chúng ta hay nhớ quy tắc "a, e, i, o, u khi sử dụng a hoặc an nhé)

Bài 5: Nghe và điền đáp án đúng cho các câu dưới đây

1. The ball is _____ the box.
2. The ball is _____ the box.
3. The ball is _____ the box.
4. The ball is _____ the box.